

154

lưu

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

Số: 771/QĐ-CTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 07 tháng 5 năm 2001

Gởi: Huỳnh Anh

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Về việc phê duyệt quy hoạch khu công nghiệp
Long Đức thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH TRÀ VINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/6/1994;

- Căn cứ Nghị định số 91/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý quy hoạch đô thị;

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999;

- Căn cứ Thông tư số 04 BXD/KTQH ngày 30/7/1997 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ đối với việc lập, xét duyệt quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng theo quy hoạch và thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình thuộc các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

- Căn cứ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Trà Vinh đã được phê duyệt theo Quyết định số 08/2001/QĐ-UBT ngày 09/02/2001 (Trong đó có mở rộng một số khu đô thị mới: khu "cụm" công nghiệp phía Bắc giáp sông Cổ Chiên, ...);

- Xét Tờ trình số 35/TT-SCN ngày 28/3/2001 của Sở Công nghiệp về việc xin phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Long Đức thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh;

- Xét Bản báo cáo kết quả thẩm định số 28 TĐ/QH-SXD ngày 27/4/2001 của Sở Xây dựng Trà Vinh về việc báo cáo kết quả thẩm định thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Long Đức thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt quy hoạch khu công nghiệp Long Đức thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh với những nội dung chủ yếu như sau:

I.- RẠNH GIỚI QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU CÔNG NGHIỆP:

CỘNG
CHỦ
NGHĨA
VIỆT
NAM

Phạm vi đất đai nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Long Đức là 158,10 ha.

Theo định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Trà Vinh trong 10 năm tới khu công nghiệp Long Đức có quy mô vừa và nhỏ là 120,60 ha, trong đó:

Giai đoạn 1: Phát triển xây dựng 64,80 ha, giai đoạn 2 là 55,80 ha.

- Phía Bắc giáp sông Cổ Chiên; phía Đông Bắc giáp khu dân cư và vườn cây.
- Phía Đông và Đông Nam là cửa vòm Trà Vinh; phía Nam giáp khu dân cư và đất ruộng.
- Phía Tây và Tây Bắc giáp đất ruộng.

II.- QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP:

1/- Tính chất: Khu công nghiệp Long Đức thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh là khu công nghiệp vừa và nhỏ, các nhà máy, xí nghiệp chủ yếu chế biến nông - lâm nghiệp và hải sản, chế biến tinh dầu, thuộc da, đóng và sửa chữa tàu thuyền, cơ khí và các loại hình công nghiệp sạch.

2/- Mục đích:

- Tạo khu công nghiệp của tỉnh nhằm phát huy các thế mạnh:
 - * Đánh bắt, khai thác, chế biến hải sản.
 - * Phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và sau thu hoạch.
 - * Dịch vụ, sản xuất hàng tiêu dùng.
 - * Tiềm năng công nghiệp địa phương.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) của khu vực 2 (công nghiệp và xây dựng).
- Quy hoạch phát triển, thu gom và mở rộng các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp của thị xã, của tỉnh Trà Vinh.
- Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở đó giải quyết tốt môi trường đô thị.
- Phủ lấp và phát triển đô thị thị xã Trà Vinh theo định hướng mở rộng của HĐND tỉnh và UBND tỉnh Trà Vinh.

3/- Quy mô đất đai:

- + Phạm vi nghiên cứu: Quy hoạch tỷ lệ 1/1.000, với diện tích nghiên cứu khu công nghiệp là 158,1 ha.

Theo định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Trà Vinh 5 năm tới, khu công nghiệp Long Đức sẽ được lựa chọn với quy mô vừa và nhỏ là 120,6 ha, trong đó:

- Giai đoạn 1: Phát triển xây dựng 64,8 ha.
- Giai đoạn 2: Phát triển mở rộng 55,8 ha.

Ngoài ra:

- Cụm xí nghiệp Cửa Vàm có diện tích : 8,4 ha.
- (Đất công nghiệp dự kiến chuyển sang đất cây xanh, du lịch của thị xã Trà Vinh) có diện tích : 4,7 ha.
- Đất dự trữ quy hoạch mở rộng cho các năm sau 2010 diện tích: 20 ha.
- Tổng diện tích khi khu công nghiệp Long Đức phủ kín là : 124,3ha.

CÁC THÔNG SỐ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TOÀN BỘ KHU CÔNG NGHIỆP:

SỐ TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
01	Khu công nghiệp cơ khí	13,1	10,9
02	Khu chế biến sản phẩm từ nông sản	16,5	13,8
03	Nhà máy chế biến gỗ giấy	8,1	6,9
04	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	4,6	3,8
05	Công nghiệp dệt - may - giày da	4,9	4,2
06	Khu chế biến sản phẩm từ hải sản	13,1	10,9
07	Khu chế biến thức ăn gia súc - phân bón	6	5
08	Khu bến bãi	2,35	2
09	Đất kho tàng	3	2,5
10	Khu trung tâm	3,9	
	Trung tâm hành chính		
	TT Quản lý cảng	1	6,55
	TT Thương mại	1,65	5,47
11	Khu kỹ thuật	2,412	2
12	Đất cây xanh	19,888	15,83
13	Đất giao thông	20,1	16,7
	Tổng diện tích khu công nghiệp	120,6	100

4/- Chọn đất định hướng phát triển và phân khu chức năng:

- Giai đoạn 1: Phát triển xây dựng 64,8 ha,
- Giai đoạn 2: Phát triển mở rộng 55,8 ha.

4.1- Phương án chọn:

- Chọn cụm xí nghiệp Cửa Vàm làm điểm xuất phát, phát triển cảng hiện có về phía Tây 200m.
- Mở tuyến giao thông đường bộ 22,5m, nối cảng xuống ngã ba nút giao thông vành đai tạo mặt tiền khu công nghiệp.
- Khu công nghiệp Long Đức mở rộng về phía Tây có chiều dài 1.010,5m, chiều rộng 984m.
- Khu công nghiệp được phát triển dần theo nhu cầu thị trường đầu tư về phía Tây.

- Khu công nghiệp Long Đức mở tuyến đường chính dài 978m, rộng 42m.

Ưu điểm:

- Tiếp nối được với cụm công nghiệp Cửa Vầm.

- Giao thông thuận tiện, các tuyến đường trong khu công nghiệp được thiết kế mạch lạc và tiện dụng.

- Bố trí các khu chức năng đạt được hướng gió tốt.

- Khu trung tâm đặt ở vị trí thích hợp tạo điểm nhấn cho khu công nghiệp.

- Có khu cây xanh tập trung để cân bằng môi trường trong khu công nghiệp.

Giai đoạn 1: Khu công nghiệp Long Đức ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp thế mạnh của tỉnh, khai thác nguồn tài nguyên sẵn có như các nhà máy chế biến nguyên liệu từ dừa, sản phẩm có nguyên liệu từ nông nghiệp (thóc gạo, hoa quả), nhà máy dệt, may, giày da.

Bước 1:

- Trong giai đoạn 1 bước 1 ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp phục vụ cho nhu cầu trước mắt của tỉnh như ngành dệt may, giày da, các ngành sản xuất chế biến từ nguồn nguyên liệu địa phương.

- Trung tâm điều hành khu công nghiệp và khu kỹ thuật hạ tầng được xây dựng hoàn thiện. Xây dựng mạng lưới giao thông bước 1 theo hướng phát triển của từng khu công nghiệp phục vụ giai đoạn trước mắt.

Bước 2: Bước 2 tiếp nối bước 1 phát triển khu công nghiệp về phía Tây xây dựng các nhà máy cơ khí, chế biến hải sản và chế biến thức ăn gia súc và phân bón.

Giai đoạn 2:

Khu công nghiệp được phát triển toàn bộ về phía Tây. Tập trung xây dựng hoàn thiện các xí nghiệp, nhà máy cơ khí, vật liệu xây dựng, nhà máy chế biến gỗ, giấy.

Đây là giai đoạn hoàn thiện toàn bộ khu công nghiệp Long Đức, hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đảm bảo thông suốt. Khu cây xanh được xây dựng tạo cảnh quan đẹp, điều hòa môi trường sinh thái cho toàn bộ khu công nghiệp và đảm bảo khoảng cách ly đối với khu dân cư.

Quy hoạch chi tiết khu trung tâm:

Quy hoạch chi tiết khu trung tâm công nghiệp với diện tích là 6,6 ha, trong đó xây dựng khu điều hành quản lý khu công nghiệp, xây dựng khu triển lãm, hội nghị, trung tâm y tế, khu quản lý cảng, khu thương mại.

Khu trung tâm được đặt ở vị trí đầu tuyến đường chính của khu công nghiệp và đầu tuyến vào cảng.

4.2- Nguyên tắc chia lô:

Khu công nghiệp được chia lô dựa trên thực tiễn các khu công nghiệp tập trung trong cả nước và các khu công nghiệp tập trung của các nước Đông Nam Á.

Quy mô sử dụng đất của các nhà máy lấy từ $1 \div 3$ ha. Diện tích đất và phương thức chia lô phù hợp với quy mô công nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng được cho các nhà đầu tư.

Nhà máy nhỏ thì $S_{đất} = 1,2$ ha.

Nhà máy lớn có thể $S_{đất} = 1,2$ ha x 2 (hoặc 1,2 ha x 3) = 2,4 ha \div 3,6 ha.

Kích thước giữa chiều rộng và chiều dài lô là $1/2$ hoặc $1/3$.

4.3- Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc:

+ Khu công nghiệp Long Đức với diện tích 120,6 ha được lựa chọn quy hoạch có một vị trí thuận lợi cho giao thông thủy, giao thông bộ.

+ Tổ chức tổng mặt bằng trong khu công nghiệp bao gồm:

- Trục đường chính rộng 42m có dãy cây xanh phân cách rộng 9m, vỉa hè rộng 9m. Cổng chính đi vào khu công nghiệp được thiết kế một kh้อง gian cây xanh kết hợp với những đài phun nước, nhà máy chạy dọc theo trục đường chính, ở đây dòng sông Cổ Chiên cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong tổ chức không gian và cảnh quan khu công nghiệp.

- Diện tích đất 71,64 ha dành cho xây dựng nhà máy được chia thành từng lô có mặt tiền rộng khoảng từ 100m đến 120m. Cây xanh được tổ chức thiết kế đảm bảo khoảng cách ly an toàn giữa khu dân cư và khu đất xây dựng nhà máy.

- Khối nhà quản lý hành chính đặt ở vị trí đón được tầm nhìn từ phía cổng chính.

- Trung tâm thương mại được bố trí trên tuyến đường chính vào cảng mới.
- Khu cây xanh được quy hoạch tạo điều kiện cân bằng môi trường của khu công nghiệp.

5/- Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật:

5.1- Quy hoạch hệ thống giao thông:

5.1.1- Giao thông thủy: Khu công nghiệp Long Đức là khu công nghiệp có ưu thế nằm cạnh dòng sông Cổ Chiên thuận lợi giao thông đường thủy. Vì vậy, quy hoạch khu công nghiệp Long Đức bao gồm 1 cảng pha sông biển có công suất 1,7 triệu tấn/năm. Kết cấu bê tông cốt thép và lùi lên phía Tây Bắc cách cửa vòm sông Trà Vinh 330m.

5.1.2- Giao thông đường bộ:

Hệ thống đường trong khu công nghiệp:

Căn cứ vào phương án chọn:

- Khu công nghiệp được chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: $S = 64,8$ ha.

Bước 1: $S = 30$ ha.

Bước 2: $S = 34,8$ ha.

Giai đoạn 2: $S = 55,8$ ha.

- Tuyến đường chính chạy dọc hướng Đông Nam và Tây Bắc góc 45° , tránh được hướng chiếu sáng trực tiếp của phương vị quay mặt trời.

- Khai thác triệt để một tuyến đường sử dụng cho cả 2 khu nhà máy liền kề.

* Đường trung tâm trực chính: Lộ giới = 42m.

Tổng chiều dài: 980m (Gđ1 bước 1: 650m + Gđ1 bước 2: 330m).

* Đường vào các lô đất xây dựng nhà máy:

- Lộ giới 28,5m:

Tổng chiều dài: 6.537m (Gđ1 bước 1: 2.232m + Gđ1 bước 2: 2.307m + Gđ2: 1.998m).

- Lộ giới 19,5m:

Tổng chiều dài: 1.797m (Gđ1 bước 1: 1.797m).

Hệ thống đường ngoài hàng rào:

- Triệt để tận dụng giao thông đã có và các công trình hạ tầng khác của cụm Cửa Vàm.

- Quy hoạch đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống giao thông khu vực như:

+ Xây dựng nút nối đường trực chính của khu công nghiệp với đường ra Cửa Vàm.

+ Mở rộng đường hiện có lòng đường từ 7m lên 10,5m.

+ Nắn lại các bán kính cong của tuyến Cửa Vàm.

- Mở 2 trục đường mới bao quanh khu công nghiệp.

Giai đoạn 1: Mở đường trục từ cảng mới Cửa Vàm chạy dọc khu công nghiệp về phía Tây Nam tạo mặt tiền khu công nghiệp và hình thành thế phát triển cuồn chiếu xây dựng khu công nghiệp.

Giai đoạn 2: Xây dựng mới tuyến đường từ ngã ba khu đèn thờ Bác Hồ về tuyến đường giáp sông Trà Vinh.

Tuyến đường này là giao thông vành đai phía Bắc thị xã, nối thị xã, khu công nghiệp Long Đức đi dọc sông Cổ Chiên nối với các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long phía Bắc...

* Đường trung tâm trực chính (nối đường trực chính của khu công nghiệp với đường ra Cửa Vầm): Lộ giới: 42m.

Tổng chiều dài: 490m (Gđ1 bước 1).

* Trục đường từ cảng mới Cửa Vầm chạy dọc khu công nghiệp về phía Tây Nam:

Tổng chiều dài: 1.022m (Gđ1 bước 1).

- Lộ giới 24,0m.

* Trục đường từ ngã ba khu đền thờ Bác Hồ về tuyến đường giáp sông Trà Vinh: Tổng chiều dài: 1.310 (Gđ2).

- Lộ giới 28,5m.

5.2- Quy hoạch san nền:

- Cốt hiện trạng thấp nhất là: + 0,17m.

- Cốt hiện trạng cao nhất là: + 2,1.

Việc tổ chức san lấp phải dùng sáng thổi từ lòng sông (hoặc mua cát nền từ nơi xa đến).

Phương án tổ chức thi công sáng thổi là phù hợp hơn cả, vừa san lấp nền, vừa nạo vét lòng sông.

- Cao độ thiết kế nền đắp được tính toán trên cơ sở các tuyến rạch thoát nước chính ra sông Cổ Chiên và sông đào Trà Vinh.

- Cao độ san nền thấp nhất = + 2,2m, cao độ san nền cao nhất = + 2,8m.

- Độ dốc nền 4 ‰.

- Hệ số đầm chặt từng lớp K = 0,95.

- Tổng khối lượng san nền (đắp) toàn khu là : 473.671m³.

- Giai đoạn 1 bước 1 : 199.463m³.

- Giai đoạn 1 bước 2 : 125.348m³.

- Giai đoạn 2 : 148.860m³.

5.3- Quy hoạch phân cấp điện:

5.3.1- Nguồn cấp điện:

Nguồn điện cấp cho khu công nghiệp sẽ được lấy từ lưới điện quốc gia trạm 110KV tại xã Long Đức. Dùng dây AC - 240, chiều dài tuyến khoảng 2.000m.

5.3.2- Quy hoạch cấp điện:

+ Khu vực nhà máy xí nghiệp: 390KW/ha.

- + Khu vực TT khu công nghiệp Long Đức: 50KW/ha.
- + Khu vực đường giao thông: 50 KW/ha.
- + Khu vực kỹ thuật chung: 100KW/ha.
- + Khu vực kho bãi: 30KW/ha.
- + Khu vực công viên cây xanh, khu văn hóa: 40KW/ha.

Quy hoạch đặt 01 trạm trung gian 110/22KV với công suất 50MVA được chia ra làm 2 giai đoạn:

* Giai đoạn 1: Đặt 01 máy biến áp 110/22KV công suất 20MVA và 01 máy biến áp 110/22KV công suất 10MVA.

* Giai đoạn 2: Đặt 01 máy biến áp 110/22KV công suất 20MVA.

- Toàn bộ hệ thống đường giao thông đều được lắp đặt hệ thống đèn chiếu cao áp 400W, khoảng cách mỗi đèn là 35m. Tổng số bộ đèn trong giai đoạn 1 khoảng 160 bộ; giai đoạn 2 khoảng 80 bộ.

- Đường cáp ngầm 0,4KV cấp điện cho hệ thống chiếu sáng đèn đường dùng loại cáp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC - 4 x 10mm². Tổng chiều dài giai đoạn 1 khoảng 7.000m; giai đoạn 2 khoảng 4.500m.

- Toàn bộ hệ thống cáp điện lực đều được đi trong hào cáp kỹ thuật có nắp đậy. Chiều dài hào cáp giai đoạn 1 khoảng 3.500m; giai đoạn 2 khoảng 1.800m.

5.4- Quy hoạch hệ thống cấp thoát nước:

5.4.1- Cấp nước:

Xác định nhu cầu cấp nước:

- Giai đoạn 1 lượng nước tiêu thụ của toàn khu công nghiệp là: ~ 4.850m³/ngđ.

- Giai đoạn 2 khu công nghiệp được mở rộng lượng nước tiêu thụ là: ~ 8.500m³/ngđ.

Phương án cấp nước:

Giai đoạn 1 với lưu lượng 4.850m³/ngđ cấp cho khu công nghiệp sẽ được mua từ công ty kinh doanh nước sạch và lấy từ mạng lưới cấp nước của thị xã.

Giai đoạn 2 xây dựng 1 trạm cấp nước phục vụ cho toàn khu công nghiệp, nguồn nước từ sông Cổ Chiên.

Khu công nghiệp xây dựng hệ thống đường ống cấp nước nội bộ khoảng 9.730m đường ống các loại (D400, D300, D200). Giai đoạn 1 sẽ xây dựng tuyến ống truyền dẫn từ mạng lưới cấp nước thị xã về khu công nghiệp dài 4.000m. Nước được chứa trong bể chứa và sau đó được bơm trực tiếp từ bể chứa vào mạng lưới cấp nước cục bộ của khu công nghiệp.

Dung tích bể chứa trong giai đoạn 1 là $W_b = 1.500\text{m}^3$.

Trạm bơm được xây dựng nhằm đảm bảo cung cấp đủ áp lực và lưu lượng đến từng khu theo yêu cầu.

Giai đoạn 2 trạm bơm cũ sẽ được nâng cấp thành trạm bơm cấp 2, sẽ xây dựng một cụm cấp nước và mở rộng mạng lưới tuyếp ống theo sự phát triển không gian của khu công nghiệp.

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG XÂY LẮP HỆ THỐNG CẤP NƯỚC BAO GỒM:

Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
I- Phần ống nước (gang dẻo)			
D400	md	4.000	320
D300	md	1.020	340
D200	md	2.710	950
II- Bể chứa	m ³	1.500	-
III- Trạm bơm	(m ³ /ngđ)	4.850	8.500
IV- Trạm xử lý (gồm công trình xử lý và trạm bơm cấp 1)	(m ³ /ngđ)	-	4.000

5.4.2- Thoát nước:

Hệ thống thoát nước được lựa chọn là riêng hoàn toàn trong đó một mạng lưới đường ống thu nước mưa, một mạng lưới đường ống thu nước thải sản xuất, sinh hoạt.

Đối với nước mưa chảy tràn bờ mặt với nồng độ bẩn thấp sẽ được thu vào mạng lưới đường ống và xả trực tiếp ra sông Cổ Chiên. Riêng nước mưa ở một số nơi có thể gây ô nhiễm.(khu xưởng dầu, khu bãi phế thải...) sẽ được thu gom chảy chung vào cống thoát nước bẩn về khu xử lý để làm sạch trước khi xả ra nguồn.

Để đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nguồn nước thải từ mỗi nhà máy vào khu xử lý nước thải chung của khu công nghiệp thì mỗi nhà máy cần xây dựng một trạm xử lý nước thải cục bộ (bằng nguồn vốn đầu tư của mình) trước khi xả nước thải ra hệ thống cống thoát nước bẩn.

Nước thải sinh hoạt cần xử lý sơ bộ (qua bể tự hoại) trước khi xả ra mạng cống thoát nước.

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất và sinh hoạt sau khi đã xử lý sơ bộ được đưa vào mạng cống thoát nước bẩn dẫn về khu kỹ thuật chung, tại đây xây dựng một hệ thống làm sạch nước thải khi xả ra nguồn.

Giải pháp cấu trúc của mạng lưới thoát nước mưa được lựa chọn gồm mạng lưới đường ống đặt dọc theo các trục đường chính và đặt một bên đường, nước mưa trong các khu sản xuất được thu gom vào hệ thống hộp dẫn ra nhập vào mạng cống chính.

Các khối lượng chính phục vụ cho hệ thống thoát nước mưa toàn bộ khu công nghiệp bao gồm việc đặt 8480m dài đường ống ngầm bê tông cốt thép các loại có đường kính từ D800 đến D2000mm, (trong đó tại giai đoạn 1 là 6080m), đào các giếng thăm và giếng thu nước, lắp đặt các ống qua đường, các miệng xả.

Lượng nước thải thu được đưa về trạm xử lý nước thải chung gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt được tính bằng 70% lưu lượng nước cấp. Bên

cạnh đó còn một lượng nước mưa thu hồi từ các khu vực có thể gây ô nhiễm như khu xưởng dầu, bãi phế thải cũng được tập trung về trạm xử lý nước thải. Do đó trong giai đoạn 1 xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất $4500\text{m}^3/\text{ng}\text{đ}$. Sang giai đoạn 2 tăng công suất của trạm lên $8000\text{m}^3/\text{ng}\text{đ}$.

5.5- Thông tin, liên lạc:

Khu công nghiệp xây dựng hệ thống cáp quang để nối vào trạm viễn thông gần nhất.

Tuyến cáp quang nối tổng đài và các hộp nối (Splice box). Các hộ sử dụng thông tin điện thoại, máy Fax, đầu mạng Internet... có thể được thực hiện nối với hộp nối dễ dàng.

5.6- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường: Khu công nghiệp với nhiều loại hình công nghiệp. Các ngành công nghiệp có khả năng gây tác động đến môi trường chủ yếu là môi trường nước và chất thải công nghiệp (bao gồm các nước thải từ khu chế biến, các sản phẩm từ hải sản, từ các xí nghiệp thuộc da, một số ngành cơ khí khác). Chi tiết về tác động môi trường cũng như phương án bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường phê duyệt.

5.6.1- Môi trường nước:

Nước mưa: Nước mưa tại một số khu vực có thể lắn các tạp chất công nghiệp sẽ được thu gom để đưa về nhà máy xử lý nước thải, tại đó lượng nước này cùng với nước thải sinh hoạt và sản xuất sẽ được làm sạch trước khi xả ra nguồn.

Nước thải: Đối với nước thải sản xuất trong mỗi xí nghiệp đều có trạm xử lý cục bộ trước khi xả ra hệ thống cống dẫn. Với nước thải sinh hoạt cũng được xử lý sơ bộ trước khi xả ra ngoài. Lượng nước thải thu được từ hệ thống cống sau đó được tập trung về khu kỹ thuật chung để xử lý. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo đáp ứng mọi chỉ tiêu bảo vệ môi trường theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

5.6.2- Môi trường không khí: Các nguồn có thể gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là khí thải, bụi và mùi vị. Các dải xây xanh được bố trí để ngăn chặn những ảnh hưởng của khí thải và bụi đến khu vực dự án và các khu lân cận. Ngoài ra các công viên, vườn hoa bố trí tại khu công nghiệp ngoài ý nghĩa là nơi giải trí, cũng tham gia một phần trong việc cải tạo môi trường không khí của khu vực.

5.6.3- Tiếng ồn: Nguồn phát tiếng ồn chính trong khu vực dự án là từ các phương tiện giao thông cơ giới, hoạt động của các nhà máy..., tiếng ồn của các phương tiện giao thông cơ giới và các nhà máy cũng được hạn chế tối đa nhờ các dải cây xanh được bố trí tại khu công nghiệp.

5.6.4- Nước thải và chất thải rắn:

Chất thải rắn chủ yếu là do các nhà máy trong khu công nghiệp thải ra trong quá trình sản xuất. Các chất thải này sẽ được phân loại và tái sử dụng. Việc

tái sử dụng chất thải không chỉ có ý nghĩa đối với vấn đề môi trường mà còn có ý nghĩa về lợi ích kinh tế cũng như sự thiếu quỹ đất xây dựng bãi rác.

Do tính chất đa dạng của khu công nghiệp dẫn đến tính đa dạng của chất thải, vì vậy việc thu gom xử lý chất thải rắn sẽ được thực hiện tại từng nhà máy.

Từng nhà máy sẽ phân loại rác của mình và ký hợp đồng trực tiếp với các cơ sở làm dịch vụ làm sạch môi trường thu gom rác thải để sau đó chuyển ra bãi rác (đối với chất thải vô cơ) hoặc đem đi chôn (đối với chất thải có chứa chất độc hại và chất thải hữu cơ) tại những nơi do cơ quan có thẩm quyền quy định.

III.- QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐỢT 1:

Với tổng diện tích xây dựng là 64,8 ha. Được chia làm 2 bước:

- Bước 1: Diện tích xây dựng là 30 ha
- Bước 2: Diện tích xây dựng là 34,8 ha.

CÁC THÔNG SỐ CHỦ YẾU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 1 - BUỚC 1

SỐ TT	LOẠI ĐẤT			DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
1	Khu công nghiệp cơ khí			3,8	12,7
2	Khu chế biến sản phẩm từ nông sản			3	10
3	Công nghiệp dệt - may - giày da			4,9	16,3
4	Khu chế biến sản phẩm từ hải sản			2,6	8,7
5	Đất kho tàng			1,5	5
6	Khu trung tâm	Trung tâm hành chính	Trung tâm điều hành	3,9	13
			Trung bày - hội nghị		
7	Khu kỹ thuật			2,412	8,04
8	Đất cây xanh			1,988	6,66
9	Đất giao thông			5,9	19,6
	Tổng diện tích khu công nghiệp giai đoạn 1 - bước 1			30	100

CÁC THÔNG SỐ CHỦ YẾU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 1

SỐ TT	LOẠI ĐẤT			DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
1	Khu công nghiệp cơ khí			7,3	11,3
2	Khu chế biến sản phẩm từ nông sản			12	18,5
3	Công nghiệp dệt - may - giày da			4,9	7,56
4	Khu chế biến sản phẩm từ hải sản			8,6	13,3
5	NM chế biến thức ăn gia súc - phân bón			6	9,3
6	Đất kho tàng			3	4,56
7	Khu trung tâm	Trung tâm hành chính	Trung tâm điều hành	3,9	6,0
			Trung bày - hội nghị		
8	Khu kỹ thuật			2,412	3,72
9	Đất cây xanh			9,298	14,36

10	Đất giao thông	7,39	11,4
	Tổng diện tích khu công nghiệp giai đoạn 1	64,8	100

Điều 2: Giao Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh Trà Vinh chủ trì phối hợp với lãnh đạo Sở Xây dựng, cùng các ngành chức năng có liên quan:

1/- Hoàn chỉnh hồ sơ tổ chức công bố quy hoạch khu công nghiệp Long Đức, thị xã Trà Vinh để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2/- Chỉ đạo thực hiện dự án quy hoạch xây dựng, phối hợp chặt chẽ với các Ban - ngành trong trường hợp huy động các nguồn vốn để cải tạo xây dựng khu công nghiệp Long Đức, thị xã Trà Vinh theo hướng đúng quy hoạch và pháp luật.

3/- Hoàn chỉnh dự thảo điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (sau khi có sự thỏa thuận của Sở Xây dựng).

Điều 3: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh; Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông - Công chánh, Tài chính - Vật giá, Thương mại và Du lịch, Y tế, Công nghiệp, Địa chính; Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

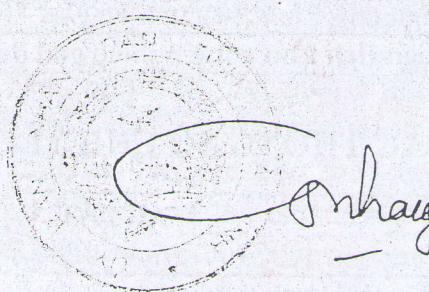
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- TT.TU, HĐND tỉnh (thay b/c).
- Bộ XD (thay b/c).
- CT và các PCT.UBND tỉnh.
- Sở: VH-TT, TD-TT.
- Bưu điện, Điện lực TV.
- Phòng QLQHKT&ND (Sở XD).
- Đơn vị tư vấn (để lưu hồ sơ).
- BLĐ.VP, Khối NC: CN, TM.
- Lưu VT.

K/T CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Trà Vinh*

PHÓ CHỦ TỊCH



Chứng nhận: SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH *Kim Mai Khanh*

Số chứng 11309 Ngày 08-05-2002

Độc lập
Ngày 08-05-2002
CỘNG CHỦNG VIỆN

ĐÁ THỦ LỆ PHỦ